

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2025

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi con người)	VPS		DÂN SỐ		ATTP		TBXH		LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt (KTX)	LOẠI 340/341 Mua trang phục Thanh tra (KTX)	LOẠI 340/341 Kinh phí hoạt động cho việc thu phí	LOẠI 340/341 Kinh phí sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng, server Vp Sở Y tế
			LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động Vp Sở Y tế)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động DÂN SỐ) (528.970.085 đ) 10 người	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Tổng Chi hoạt động ATTP, CSXH chuyển về)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động ATTP) (759.308.418đ) 12 người	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động CTXH) đ) 14 người	LOẠI 340/341 Thanh tra thu hồi (TX)	LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt (KTX)	LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt (KTX)				
	Số dư năm trước chuyển sang.		13.863.859											
	Dự toán giao đầu năm	4.751.000.000	3.096.000.000					200.000.000	135.000.000	28.000.000	630.000.000	90.000.000		
	Dự toán bổ sung (nhập DS, ATTP, TBXH)	5.975.856.294	1.059.832.915	528.970.085	1.515.612.863	759.308.418	756.304.445				258.561.873			
	Dự toán giảm trừ													
	Tổng cộng	10.726.856.294	4.169.696.774	528.970.085	1.515.612.863	759.308.418	756.304.445	200.000.000	135.000.000	28.000.000	888.561.873	90.000.000		
	Chi trong quý 1 năm 2025	1.989.566.109	684.885.135	10.500.000	35.312.571	26.912.571	8.400.000	0	5.657.950	0	101.491.917	0		
	Số dư cuối quý	8.737.290.185	3.484.811.639	518.470.085	1.480.300.292	732.395.847	747.904.445	200.000.000	129.342.050	28.000.000	787.069.956	90.000.000		
	Chi tiết chi quý 1 năm 2025	1.989.566.109	684.885.135	10.500.000	35.312.571	26.912.571	8.400.000	0	5.657.950	0	101.491.917	0		
1052	Thuế TNDN					0								
1099	Thuế TNDN khác					0								
1701	Thuế GTGT					0								
4949	Các khoản thu khác					0								
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.155.553.241				0								
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ		101.339.091		19.712.571	19.712.571					34.253.007			
6101	Phụ cấp chức vụ	58.734.000				0								
6103	Phụ cấp thu hút					0								
6105	Phụ cấp làm thêm giờ					0								
6107	Phụ cấp năng nhọc, độc hại, NH	1.404.000				0								
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	42.448.185				0								
6115	Phụ cấp thâm niên VK, TNN	31.475.457				0								
6124	Phụ cấp công vụ	401.032.359				0								
6149	Phụ cấp khác					0								
6155	Sinh hoạt phí cán bộ đi học					0								
6201	Thưởng thường xuyên					0								
6249	Thưởng khác					0								

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi con người)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động Vp Sở Y tế)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động DÂN SỐ (528.970.085 đ) 10 người	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Tổng Chi hoạt động ATTP, CSXH chuyển về)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động ATTP) (759.308.418đ) 12 người	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động CTXH) đ) 14 người	LOẠI 340/341 Thanh tra thu hồi (TX)	LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt. (KTX)	LOẠI 340/341 Mua trang phục Thanh tra (KTX)	LOẠI 340/341 Kinh phí hoạt động cho việc thu phí	LOẠI 340/341 Kinh phí sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng, server Vp Sở Y tế
6202	Thường đột xuất				0							
6299	Chi khác		340 599 958	6 000 000	15 600 000	7 200 000	8 400 000					
6301	Bảo hiểm xã hội	232 492 452			0							
6302	Bảo hiểm y tế	39 855 849			0							
6303	Kinh phí công đoàn	26 570 566			0							
6304	Bảo hiểm thất nghiệp				0							
6404	Thu nhập tăng thêm		44 400 000		0							
6449	Chi khác		48 000 000		0						48 000 000	
6501	Tiền điện		29 664 974		0							
6502	Tiền nước		3 102 700		0							
6503	Tiền nhiên liệu		15 042 770		0				977.950		9 771 590	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường		1 124 760		0							
6504	Khoản phương tiện đi lại				0							
6551	Văn phòng phẩm		7 634 700		0							
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				0							
6553	Khoản văn phòng phẩm		7 600 000		0							
6599	Vật tư văn phòng khác		11.218 600		0				4 680 000		7 680 000	
6601	Cước phí điện thoại		10 942 475		0							
6603	Cước phí bưu chính		7 390 854		0							
6605	Cước Internet, đường truyền mạng		6 817 676		0							
6606	Tuyển truyền, quảng cáo				0							
6608	Sách, báo, tạp chí		1 285 900		0							
6618	Khoản điện thoại		1 050 000		0							
6649	Đăng tải thông tin				0							
6651	In, mua tài liệu				0							
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên				0							
6654	Tiền thuê phòng ngủ				0							
6655	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển				0							
6657	Các khoản thuê mượn khác				0							
6658	Chi bù tiền ăn				0							
6699	Chi phí khác		1 079 996		0							
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe		10 754 400		0							

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi con người)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động Vp Sở Y tế)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động DÂN SỐ) (528.970.085 đ) 10 người	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Tổng Chi hoạt động ATTP, CSXH chuyển về)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động ATTP) (759.308.418đ) 12 người	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động CTXH) đ 14 người	LOẠI 340/341 Thanh tra thu hồi (TX)	LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt. (KTX)	LOẠI 340/341 Mua trang phục Thanh tra (KTX)	LOẠI 340/341 Kinh phí hoạt động cho việc thu phí	LOẠI 340/341 Kinh phí sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng, server Vp Sở Y tế
6702	Phụ cấp công tác phí		1.200.000		0						450.000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ		1.928.800		0							
6704	Khoản công tác phí		4.000.000		0							
6749	Chi khác				0							
6751	Thuê phương tiện vận chuyển				0							
6757	Thuê lao động trong nước			4.500.000	0							
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ		6.550.000		0							
6799	Chi phí thuê mướn khác				0							
6901	Ô tô dùng chung		2.165.660		0						1.337.320	
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				0							
6907	Sửa chữa nhà cửa				0							
6912	Sửa chữa các thiết bị công nghệ thông tin				0							
6913	Sửa chữa tài sản và thiết bị văn phòng				0							
6921	Đường điện, cấp thoát nước				0							
6949	Sửa chữa tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				0							
6954	Mua sắm tài sản và thiết bị chuyên dùng				0							
6955	Mua sắm tài sản và thiết bị văn phòng				0							
6956	Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin				0							
7004	Đồng phục				0							
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác				0							
7451	Chi đóng, hỗ trợ tiền đóng tiền BHYT				0							
7653	Chi hoàn trả các khoản thu về phí và lệ phí				0							
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai dịch bệnh				0							
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		1.215.021		0							
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện				0							
7761	Chi tiếp khách				0							
7799	Chi các khoản khác		18.776.800		0							
8049	Chi hỗ trợ khác				0							
					0							

VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí Hỗ trợ luân chuyển, điều động	LOẠI 340/341 ĐẦU THẦU TẬP TRUNG (KTX)	LOẠI 340/341 ĐẦU THẦU THUỐC (NH TMCP Công thương Đồng Nai)	LOẠI 340/341 Nguồn cải cách tiền lương	LOẠI 130/131 (ĐP) KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ	LOẠI 130/131 (ĐP) CHƯƠNG TRÌNH ATVSTP	LOẠI 130/131 Kinh phí Chương trình Y tế - dân số; PCD khác (tai nạn thương tích, bệnh NN)	LOẠI 130/139 Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo	LOẠI 130/139 Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS
	Số dư năm trước chuyển sang.					1.808.380.138	12.317.538.209					221.649.100
	Dự toán giao đầu năm	66.000.000	110.000.000	22.000.000	180.000.000					180.000.000	2.791.000.000	2.200.000.000
	Dự toán bổ sung (nhập DS, ATTP, TBXH)							1.647.000.000	800.505.168			
	Dự toán giảm trừ											
	Tổng cộng	66.000.000	110.000.000	22.000.000	180.000.000	1.808.380.138	12.317.538.209	1.647.000.000	800.505.168	180.000.000	2.791.000.000	2.421.649.100
	Chi trong quý 1 năm 2025	0	0	5.400.000	7.868.988	1.362.800	666.914.659	0	0	0	0	0
	Số dư cuối quý	66.000.000	110.000.000	16.600.000	172.131.012	1.807.017.338	11.650.623.550	1.647.000.000	800.505.168	180.000.000	2.791.000.000	2.421.649.100
	Chi tiết chi quý 1 năm 2025	0	0	5.400.000	7.868.988	1.362.800	666.914.659	0	0	0	0	0
1052	Thuế TNDN											
1099	Thuế TNDN khác											
1701	Thuế GTGT											
4949	Các khoản thu khác											
6001	Lương theo ngạch, bậc						377.261.887					
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ											
6101	Phụ cấp chức vụ											
6103	Phụ cấp thu hút											
6105	Phụ cấp làm thêm giờ											
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, NH											
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề											
6115	Phụ cấp thâm niên VK, TNN											
6124	Phụ cấp công vụ											
6149	Phụ cấp khác											
6155	Sinh hoạt phí cán bộ đi học											
6201	Thưởng thường xuyên						223.470.000					
6249	Thưởng khác											
6202	Thưởng đột xuất											
6299	Chi khác				599.983							

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	LOẠI 340/341 Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật	LOẠI 340/341 Kinh phí Hỗ trợ luân chuyển, điều động	LOẠI 340/341 ĐẦU THẦU TẬP TRUNG (KTX)	LOẠI 340/341 ĐẦU THẦU THUỐC (NH TMCP Công thương Đồng Nai)	LOẠI 340/341 Nguồn cải cách tiền lương	LOẠI 130/131 (ĐP) KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ	LOẠI 130/131 (ĐP) CHƯƠNG TRÌNH ATVSTP	LOẠI 130/131 Kinh phí Chương trình Y tế - dân số; PCD khác (tai nạn thương tích, bệnh NN)	LOẠI 130/139 Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo	LOẠI 130/139 Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS
6301	Bảo hiểm xã hội						50.992.052					
6302	Bảo hiểm y tế						8.741.495					
6303	Kinh phí công đoàn						6.449.225					
6304	Bảo hiểm thất nghiệp											
6404	Thu nhập tăng thêm											
6449	Chi khác			5.400.000								
6501	Tiền điện				4.740.055							
6502	Tiền nước				152.950	174.800						
6503	Tiền nhiên liệu											
6504	Tiền vệ sinh, môi trường											
6504	Khoản phương tiện đi lại											
6551	Văn phòng phẩm											
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng											
6553	Khoản văn phòng phẩm											
6599	Vật tư văn phòng khác											
6601	Cước phí điện thoại											
6603	Cước phí bưu chính											
6605	Cước Internet, đường truyền mạng				2.376.000	1.188.000						
6606	Tuyên truyền, quảng cáo											
6608	Sách, báo, tạp chí											
6618	Khoản điện thoại											
6649	Đăng tải thông tin											
6651	In, mua tài liệu											
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên											
6654	Tiền thuê phòng ngủ											
6655	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển											
6657	Các khoản thuê mướn khác											
6658	Chi bù tiền ăn											
6699	Chi phí khác											
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe											
6702	Phụ cấp công tác phí											
6703	Tiền thuê phòng ngủ											
6704	Khoản công tác phí											

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí Hỗ trợ luân chuyển, điều động	LOẠI 340/341 ĐẦU THẦU TẬP TRUNG (KTX)	LOẠI 340/341 ĐẦU THẦU THUỐC (NH TMCP Công thương Đồng Nai)	LOẠI 340/341 Nguồn cải cách tiền lương	LOẠI 130/131 (ĐP) KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ	LOẠI 130/131 (ĐP) CHƯƠNG TRÌNH ATVSTP	LOẠI 130/131 Kinh phí Chương trình Y tế - dân số; PCD khác (tai nạn thương tích, bệnh NN)	LOẠI 130/139 Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo	LOẠI 130/139 Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS
6749	Chi khác											
6751	Thuê phương tiện vận chuyển											
6757	Thuê lao động trong nước											
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ											
6799	Chi phí thuê mướn khác											
6901	Ô tô dùng chung											
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng											
6907	Sửa chữa nhà cửa											
6912	Sửa chữa các thiết bị công nghệ thông tin											
6913	Sửa chữa tài sản và thiết bị văn phòng											
6921	Đường điện, cấp thoát nước											
6949	Sửa chữa tài sản và công trình hạ tầng cơ sở											
6954	Mua sắm tài sản và thiết bị chuyên dùng											
6955	Mua sắm tài sản và thiết bị văn phòng											
6956	Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin											
7004	Đồng phục											
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác											
7451	Chi đóng, hỗ trợ tiền đóng tiền BHYT											
7653	Chi hoàn trả các khoản thu về phí và lệ phí											
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai dịch bệnh											
7756	Chi các khoản phí và lệ phí											
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện											
7761	Chi tiếp khách											
7799	Chi các khoản khác											
8049	Chi hỗ trợ khác											

VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 130/139 Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	LOẠI 130/139 Kp mua phần mềm kế toán HCSN (14 trđ) và phần mềm tổng hợp quyết toán tài chính ngành cho Sở Y tế (29 trđ)	LOẠI 130/139 KP hỗ trợ nguồn nhân lực y tế theo GD 2023-2025 theo NQ34	LOẠI 130/139 KP khám sức khỏe CB Tỉnh ủy quản lý	LOẠI 040/041 KP phòng chống tội phạm (CSXH)	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác BTXH	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác phòng chống tệ nạn xã hội	LOẠI 370/398 KP hỗ trợ đối tượng BTXH tại cơ sở trợ giúp XH ngoài công lập theo TT76/2021/TT -BTC	LOẠI 370/398 KP chương trình phát triển hệ thống trợ giúp XH	LOẠI 070/085 Kinh phí đào tạo ngành Y tế
	Số dư năm trước chuyển sang			42.000.000	1.665.884.288							
	Dự toán giao đầu năm	270.000.000	43.000.000	120.000.000	6.300.000.000							900.000.000
	Dự toán bổ sung (nhập DS, ATTP, TBXH)		28.000.000	12.000.000		18.000.000	82.120.000	3.000.000.000	514.584.500	797.721.000	155.000.000	
	Dự toán giảm trừ											
	Tổng cộng	270.000.000	71.000.000	174.000.000	7.965.884.288	18.000.000	82.120.000	3.000.000.000	514.584.500	797.721.000	155.000.000	900.000.000
	Chi trong quý 1 năm 2025	50.047.194	6.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	446.416.000
	Số dư cuối quý	219.952.806	65.000.000	174.000.000	7.965.884.288	18.000.000	82.120.000	3.000.000.000	514.584.500	797.721.000	155.000.000	453.584.000
	Chi tiết chi quý 1 năm 2025	50.047.194	6.000.000	0	0							446.416.000
1052	Thuế TNDN											
1099	Thuế TNDN khác											
1701	Thuế GTGT											
4949	Các khoản thu khác											
6001	Lương theo ngạch, bậc											
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ											
6101	Phụ cấp chức vụ											
6103	Phụ cấp thu hút											
6105	Phụ cấp làm thêm giờ											
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, NH											
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề											
6115	Phụ cấp thâm niên VK, TNN											
6124	Phụ cấp công vụ											
6149	Phụ cấp khác											
6155	Sinh hoạt phí cán bộ đi học											
6201	Thưởng thường xuyên											
6249	Thưởng khác											
6202	Thưởng đột xuất											
6299	Chi khác											

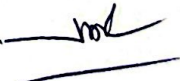
MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 130/139 Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	LOẠI 130/139 Kp mua phần mềm kế toán HCSN (14 trđ) và phần mềm tổng hợp quyết toán tài chính ngành cho Sở Y tế (29 trđ)	LOẠI 130/139 KP hỗ trợ nguồn nhân lực y tế theo GD 2023-2025 theo NQ34	LOẠI 130/139 KP khám sức khỏe CB Tỉnh ủy quản lý	LOẠI 040/041 KP phòng chống tội phạm (CSXH)	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác BHXH	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác phòng chống tệ nạn xã hội	LOẠI 370/398 KP hỗ trợ đối tượng BTXH tại cơ sở trợ giúp XH ngoài công lập theo TT76/2021/TT-BTC	LOẠI 370/398 KP chương trình phát triển hệ thống trợ giúp XH	LOẠI 070/085 Kinh phí đào tạo ngành Y tế
6301	Bảo hiểm xã hội											
6302	Bảo hiểm y tế											
6303	Kinh phí công đoàn											
6304	Bảo hiểm thất nghiệp											
6404	Thu nhập tăng thêm											
6449	Chi khác											
6501	Tiền điện											
6502	Tiền nước											
6503	Tiền nhiên liệu											
6504	Tiền vệ sinh, môi trường											
6504	Khoản phương tiện đi lại											
6551	Văn phòng phẩm											
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng											
6553	Khoản văn phòng phẩm											
6599	Vật tư văn phòng khác											
6601	Cước phí điện thoại											
6603	Cước phí bưu chính											
6605	Cước Internet, đường truyền mạng											
6606	Tuyên truyền, quảng cáo											
6608	Sách, báo, tạp chí											
6618	Khoản điện thoại											
6649	Đăng tải thông tin											
6651	In, mua tài liệu											
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên											
6654	Tiền thuê phòng ngủ											
6655	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển	48.427.200										
6657	Các khoản thuê mượn khác											
6658	Chi bù tiền ăn											
6699	Chi phí khác	1.619.994										
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe											
6702	Phụ cấp công tác phí											
6703	Tiền thuê phòng ngủ											
6704	Khoản công tác phí											

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 130/139 Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	LOẠI 130/139 Kp mua phần mềm kế toán HCSN (14 trđ) và phần mềm tổng hợp quyết toán tài chính ngành cho Sở Y tế (29 trđ)	LOẠI 130/139 KP hỗ trợ nguồn nhân lực y tế theo GD 2023-2025 theo NQ34	LOẠI 130/139 KP khám sức khỏe CB Tỉnh ủy quản lý	LOẠI 040/041 KP phòng chống tội phạm (CSXH)	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác BHXH	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	LOẠI 370/398 KP thực hiện công tác phòng chống tệ nạn xã hội	LOẠI 370/398 KP hỗ trợ đối tượng BTXH tại cơ sở trợ giúp XH ngoài công lập theo TT76/2021/TT-BTC	LOẠI 370/398 KP chương trình phát triển hệ thống trợ giúp XH	LOẠI 070/085 Kinh phí đào tạo ngành Y tế
6749	Chi khác											
6751	Thuê phương tiện vận chuyển											
6757	Thuê lao động trong nước											
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ											446.416.000
6799	Chi phí thuê mướn khác											
6901	Ô tô dùng chung											
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng											
6907	Sửa chữa nhà cửa											
6912	Sửa chữa các thiết bị công nghệ thông tin		6.000.000									
6913	Sửa chữa tài sản và thiết bị văn phòng											
6921	Đường điện, cấp thoát nước											
6949	Sửa chữa tài sản và công trình hạ tầng cơ sở											
6954	Mua sắm tài sản và thiết bị chuyên dùng											
6955	Mua sắm tài sản và thiết bị văn phòng											
6956	Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin											
7004	Đồng phục											
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác											
7451	Chi đóng, hỗ trợ tiền đóng tiền BHYT											
7653	Chi hoàn trả các khoản thu về phí và lệ phí											
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai dịch bệnh											
7756	Chi các khoản phí và lệ phí											
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện											
7761	Chi tiếp khách											
7799	Chi các khoản khác											
8049	Chi hỗ trợ khác											

Người lập

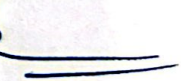

Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh

Kế toán trưởng


Phạm Quang Thành



Ngày 28 tháng 4 năm 2025
Trưởng


Lê Quang Trung